UBND XÃ IA NAN **ĐOÀN ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT** Số:64/ BC-ĐĐTKS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Ia Nan, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

BÁO CÁO

Kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã Ia Nan

Thực hiện Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ia Nan về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2026 trên địa bàn xã Ia Nan; Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/7/2026 của Chủ tịch UBND xã về việc thành lập Đoàn điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã (sau đây gọi tắt là Đoàn điều tra, khảo sát).

Đoàn điều tra, khảo sát đã ban hành Phương án số 53/PA-ĐTKS ngày 08/9/2026 và Công văn hướng dẫn số 1575/ĐĐTKS ngày 10/9/2026 tổ chức hoạt động điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật đối với 02 lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2026, gồm:

1. Lĩnh vực An toàn thực phẩm: Việc tổ chức quản lý thực phẩm chức năng; kiểm nghiệm; quản lý cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Nội dung về công tác chính sách Quân đội, hậu phương Quân đội: Việc thực hiện chế độ đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

Qua xử lý, phân tích số liệu, thông tin thu thập được từ 59 phiếu điều tra, khảo sát trực tuyến trên nền tảng Google Forms, Đoàn điều tra, khảo sát tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát đánh giá hiệu quả của công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã Ia Nan, cụ thể như sau:

Phần 1: CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ QUY MÔ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Nhằm triển khai hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã Ia Nan, thực hiện Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, UBND xã Ia Nan đã ban hành Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 04/03/2026 về theo dõi tình

hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2026 trên địa bàn xã.

Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND xã đã ban hành Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/7/2026 thành lập Đoàn điều tra, khảo sát do đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã làm Trưởng đoàn, đồng chí Quyền Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã làm Phó Trưởng đoàn, đồng chí Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã làm Phó Trưởng đoàn thường trực. Đoàn điều tra, khảo sát đã xây dựng Phương án số 53/PA-ĐTKS ngày 08/9/2026 về điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026; ban hành Mẫu phiếu điều tra, khảo sát điện tử và Công văn số 1575/ĐĐTKS ngày 10/9/2026 hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức và Nhân dân tích cực phối hợp, tham gia khảo sát.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC KHẢO SÁT

1. Nội dung

Việc điều tra, khảo sát được tiến hành đảm bảo đúng quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 13 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Mẫu phiếu điều tra, khảo sát điện tử được thiết kế gồm thông tin người tham gia khảo sát và 15 câu hỏi trắc nghiệm đa lựa chọn, phân bổ theo các tiêu chí cụ thể:

- 04 câu hỏi (câu 1, 2, 3, 15): Thu thập thông tin làm cơ sở xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, tỉnh tại địa phương; xác định bất cập trong hoạt động xây dựng văn bản quy định chi tiết; xác định các văn bản không còn khả thi trong thực tiễn áp dụng để định hướng giải pháp khắc phục (chiếm tỷ lệ 27%).

- 03 câu hỏi (câu 4, 5, 6): Thu thập thông tin làm cơ sở đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật, tập trung vào tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn nghiệp vụ; tính phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực và mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật; tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật (chiếm tỷ lệ 20%).

- 06 câu hỏi (câu 7, 8, 9, 10, 11, 12): Thu thập thông tin làm cơ sở xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, tổ chức và cá nhân; tính chính xác, thống nhất trong áp dụng pháp luật; xác định hình thức tiếp nhận thông tin phản ánh vi phạm và đánh giá hiệu quả phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật (chiếm tỷ lệ 40%).

- 02 câu hỏi (câu 13, 14): Thu thập thông tin xác định nguyên nhân vi phạm và các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật (chiếm tỷ lệ 13%).

2. Hình thức

Hoạt động điều tra, khảo sát được thực hiện bằng hình thức trực tuyến ứng dụng Biểu mẫu điện tử (Google Forms) trên nền tảng Google Docs, được tích hợp đường link biểu mẫu khảo sát trực tuyến và mã QR Code đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử UBND xã Ia Nan (https://ianan.gialai.gov.vn) và Hệ thống quản lý văn bản điều hành xã (Phần mềm Văn phòng điện tử - Ides).

III. QUY MÔ, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

Hoạt động điều tra, khảo sát được tiến hành trên phạm vi toàn xã Ia Nan với đối tượng tham gia là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã, Ủy ban MTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội; đại diện doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh thực phẩm, các đối tượng thụ hưởng chính sách quân đội và Nhân dân trên địa bàn 07 thôn, làng. Thời gian tiến hành điều tra, khảo sát được thực hiện từ ngày 13/9/2026 đến hết ngày 30/9/2026.

Phần 2: KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

I. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

Theo Phương án số 53/PA-ĐTKS, số lượng phiếu khảo sát dự kiến tối thiểu là 60 phiếu. Đến hết thời hạn khảo sát (30/9/2026), Hệ thống ghi nhận 59 phiếu tham gia trả lời đầy đủ (đạt 98,33% chỉ tiêu phương án đề ra). Thông qua 59 phiếu khảo sát trực tuyến, số liệu được trích xuất, phân tích tự động và tổng hợp đa chiều thu được kết quả cụ thể như sau:

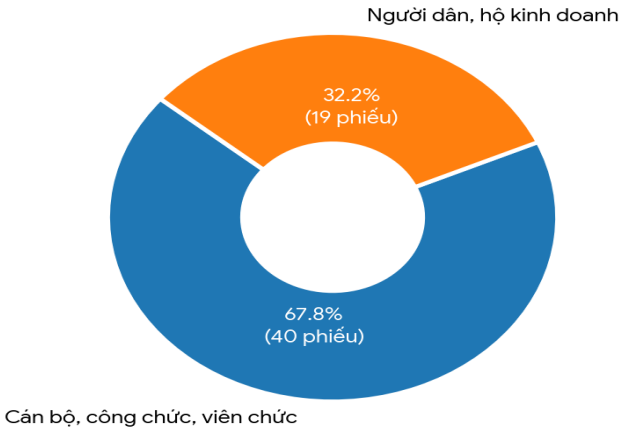
1. Thông tin chung về người được điều tra, khảo sát

1.1. Về đối tượng tham gia:

40/59 phiếu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc UBND xã, Trạm Y tế, Ban CHQS xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã (chiếm tỷ lệ 67,80%).

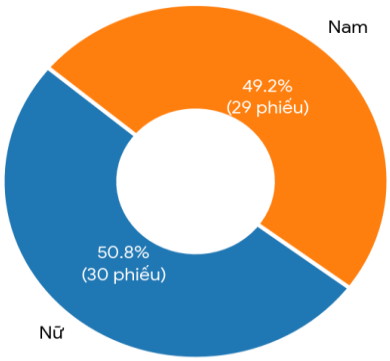
19/59 phiếu của người dân, đại diện hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm và các đối tượng thụ hưởng chính sách quân đội (chiếm tỷ lệ 32,20%).

Biểu đồ 1.1: Cơ cấu đối tượng tham gia khảo sát



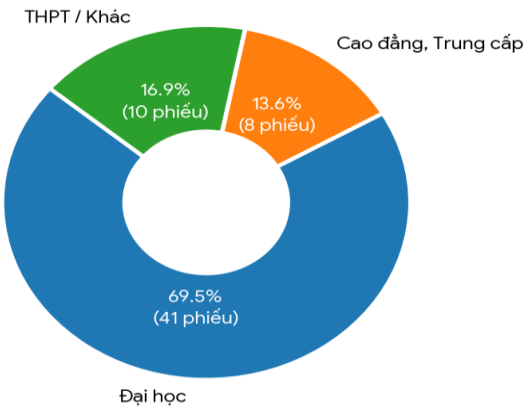
1.2. Về giới tính: 30/59 phiếu là nữ (chiếm tỷ lệ 50,85%). 29/59 phiếu là nam (chiếm tỷ lệ 49,15%).

Biểu đồ 1.2: Cơ cấu giới tính người tham gia khảo sát



1.3. Về trình độ chuyên môn: 41/59 phiếu có trình độ Đại học (chiếm tỷ lệ 69,49%).
08/59 phiếu có trình độ Cao đẳng, Trung cấp (chiếm tỷ lệ 13,56%). 10/59 phiếu có trình độ THPT hoặc trình độ khác (chiếm tỷ lệ 16,95%).

Biểu đồ 1.3: Cơ cấu trình độ chuyên môn



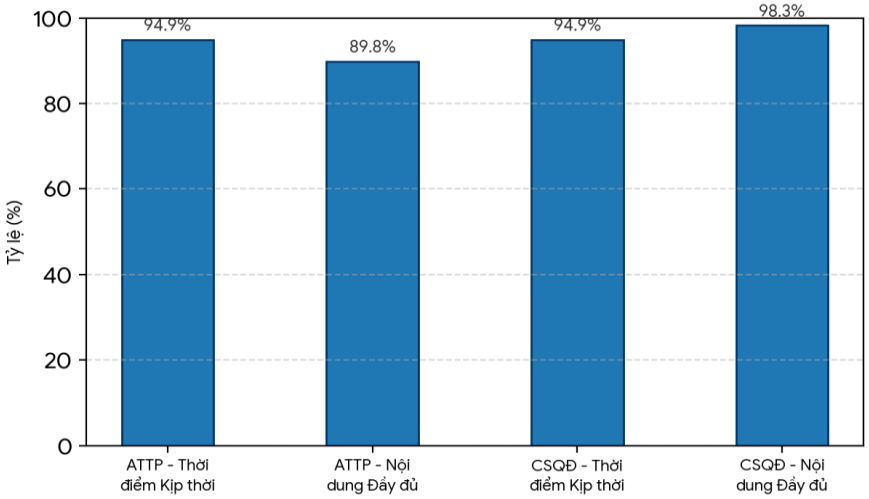
1.4. Đánh giá chung về đối tượng khảo sát: Qua phân tích số liệu cho thấy đối tượng tham gia khảo sát cơ bản đảm bảo tính đại diện, đa dạng về thành phần, phù hợp với quy định tại Thông tư số 04/2021/TT-BTP và tình hình thực tiễn tại địa phương. Sự cân bằng về giới tính và trình độ chuyên môn phản ánh khách quan, trung thực thực trạng thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT THEO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

1. Đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Tính kịp thời, đầy đủ của tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết: Ở lĩnh vực An toàn thực phẩm, về thời điểm ban hành: 56/59 phiếu đánh giá Kịp thời (chiếm 94,92%); 03/59 phiếu đánh giá Chưa kịp thời (chiếm 5,08%). Về nội dung quy định chi tiết: 53/59 phiếu đánh giá Đầy đủ (chiếm 89,83%); 06/59 phiếu đánh giá Chưa đầy đủ (chiếm 10,17%). Ở lĩnh vực Chính sách Quân đội, hậu phương Quân đội, về thời điểm ban hành: 56/59 phiếu đánh giá Kịp thời (chiếm 94,92%); 03/59 phiếu đánh giá Chưa kịp thời (chiếm 5,08%). Về nội dung quy định chi tiết: 58/59 phiếu đánh giá Đầy đủ (chiếm 98,31%); 01/59 phiếu đánh giá Chưa đầy đủ (chiếm 1,69%).

Biểu đồ 2.1: Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ trong ban hành VB quy định chi tiết

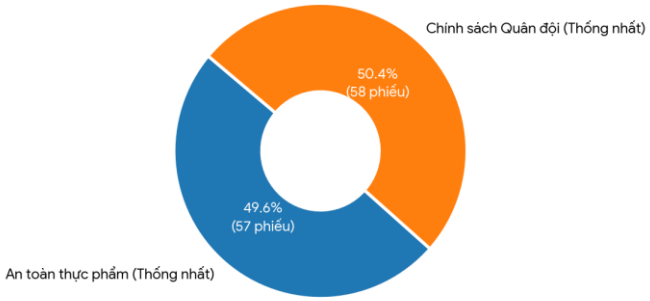


Nhìn chung, công tác tham mưu, ban hành và triển khai văn bản quy định chi tiết ở cả 02 lĩnh vực trọng tâm cơ bản bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ. Tỷ lệ đánh giá đạt trên 89% khẳng định công tác lãnh đạo, cụ thể hóa các quy định của cấp trên tại địa phương triển khai đồng bộ.

1.2. Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết: Ở lĩnh vực An toàn thực phẩm: 57/59 phiếu đánh giá Không có nội dung trái văn bản cấp trên (chiếm 96,61%); 57/59 phiếu đánh giá Không có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo (chiếm 96,61%). Có 02/59 phiếu cho rằng còn nội dung mâu thuẫn hoặc chưa hoàn

toàn thống nhất (chiếm 3,39%). Ở lĩnh vực Chính sách Quân đội, hậu phương Quân đội: 58/59 phiếu đánh giá Không có nội dung trái văn bản cấp trên và Không mâu thuẫn, chồng chéo (chiếm 98,31%); chỉ 01/59 phiếu đánh giá còn nội dung chưa thống nhất (chiếm 1,69%).

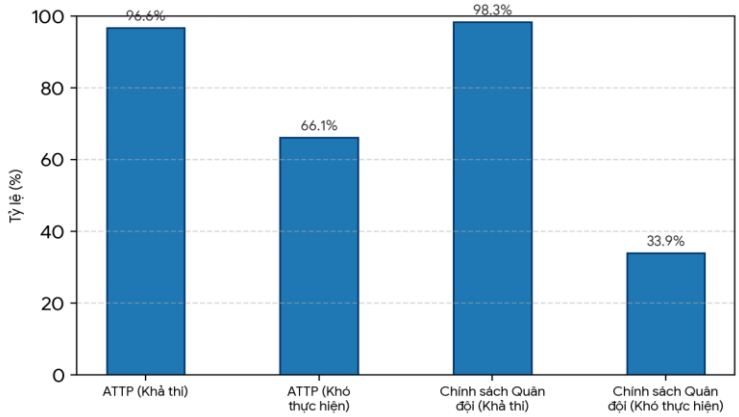
Biểu đồ 2.2: Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản



Hệ thống văn bản quy định chi tiết và văn bản triển khai thi hành áp dụng trên địa bàn xã bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ cao với hệ thống pháp luật hiện hành, không xuất hiện các quy định trái thẩm quyền hay mâu thuẫn mang tính hệ thống.

1.3. Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết: Ở lĩnh vực An toàn thực phẩm: 57/59 phiếu đánh giá Khả thi, phù hợp với thực tế (chiếm 96,61%). Tuy nhiên, khi khảo sát chuyên sâu về các quy định kỹ thuật cụ thể đối với cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, 39/59 phiếu nhận định một số quy định còn khó thực hiện do điều kiện kinh tế - xã hội địa phương (chiếm 66,10%). Ở lĩnh vực Chính sách Quân đội, hậu phương Quân đội: 58/59 phiếu đánh giá Khả thi, phù hợp với thực tế (chiếm 98,31%); 20/59 phiếu cho rằng trình tự thủ tục hồ sơ đôi lúc còn phức tạp đối với đối tượng người cao tuổi (chiếm 33,90%).

Biểu đồ 2.3: Đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết

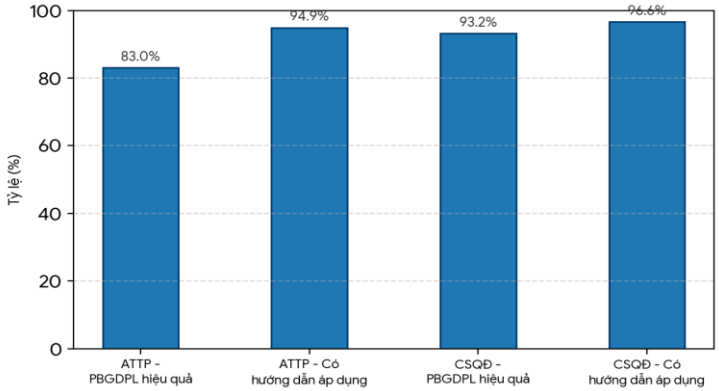


Văn bản quy phạm pháp luật có tính khả thi tương đối cao, cơ bản sát hợp với thực tiễn. Hạn chế chủ yếu tập trung ở khâu áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với nhóm hộ kinh doanh nhỏ lẻ không thuộc diện cấp GCN đủ điều kiện ATTP.

2. Đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

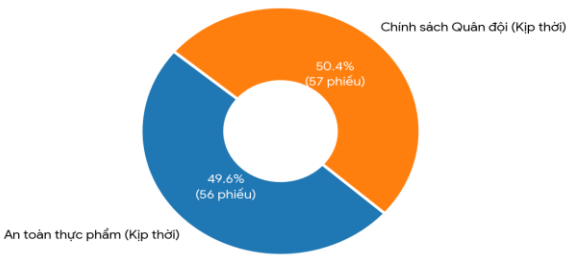
2.1. Đánh giá hoạt động ban hành kế hoạch, phổ biến, tập huấn pháp luật: Ban hành kế hoạch triển khai và PBGDPL: Lĩnh vực ATTP có 49/59 phiếu đánh giá Kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả (chiếm 83,05%); Lĩnh vực CSQĐ có 55/59 phiếu đánh giá hiệu quả (chiếm 93,22%). Tổ chức tập huấn chuyên môn và hướng dẫn áp dụng pháp luật: Lĩnh vực ATTP đạt 89,83% (tập huấn) và 94,92% (hướng dẫn); Lĩnh vực CSQĐ đạt 91,53% (tập huấn) và 96,61% (hướng dẫn).

Biểu đồ 2.4: Đánh giá công tác PBGDPL và tập huấn nghiệp vụ

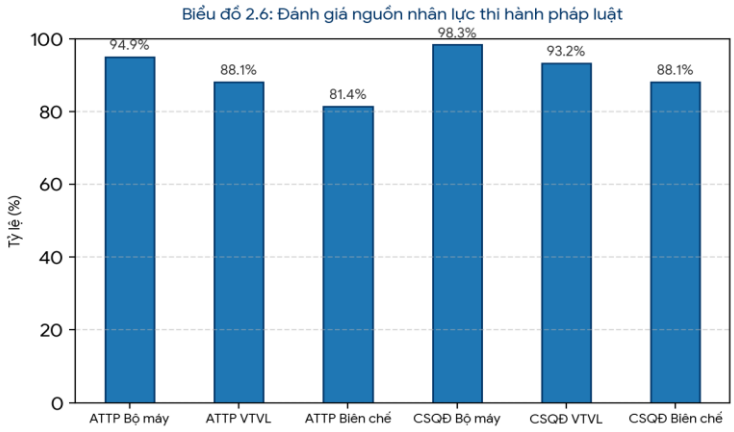


2.2. Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật: Lĩnh vực An toàn thực phẩm: 54/59 phiếu đánh giá Việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị Kịp thời (chiếm 91,53%); 56/59 phiếu đánh giá Kết quả xử lý Kịp thời, đúng quy định (chiếm 94,92%). Lĩnh vực Chính sách Quân đội: 56/59 phiếu đánh giá Tiếp nhận kịp thời (chiếm 94,92%); 57/59 phiếu đánh giá Xử lý kịp thời (chiếm 96,61%).

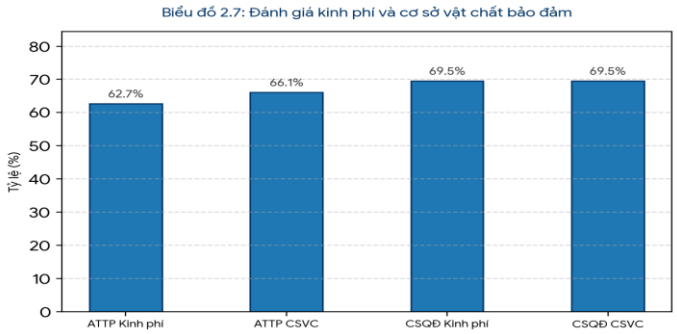
Biểu đồ 2.5: Đánh giá tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị



2.3. Mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật: Lĩnh vực ATTP: 56/59 phiếu đánh giá Cơ cấu tổ chức bộ máy Phù hợp (chiếm 94,92%); 48/59 phiếu đánh giá Số lượng người làm việc Đủ so với chỉ tiêu (chiếm 81,36%); 52/59 phiếu đánh giá Người làm việc Đáp ứng tiêu chuẩn VTVL (chiếm 88,14%). Lĩnh vực CSQĐ: 58/59 phiếu đánh giá Bộ máy phù hợp (chiếm 98,31%); 52/59 phiếu đánh giá Số lượng người làm việc đầy đủ (chiếm 88,14%); 55/59 phiếu đánh giá Đáp ứng tiêu chuẩn VTVL (chiếm 93,22%).

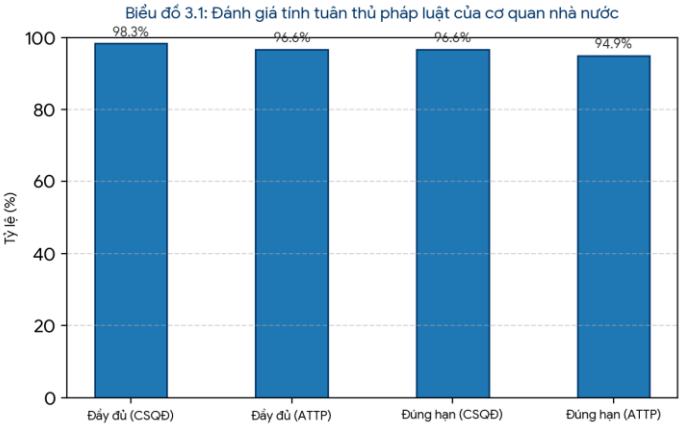


2.4. Mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất: Kinh phí cấp thực tế: Lĩnh vực ATTP có 37/59 phiếu đánh giá Đã đáp ứng (chiếm 62,71%); 21/59 phiếu đánh giá Đáp ứng một phần (chiếm 35,59%). Lĩnh vực CSQĐ có 41/59 phiếu đánh giá Đã đáp ứng (chiếm 69,49%); 17/59 phiếu đánh giá Đáp ứng một phần (chiếm 28,81%). Cơ sở vật chất thực tế: Đã đáp ứng đạt từ 66,10% đến 69,49%.



3. Đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật

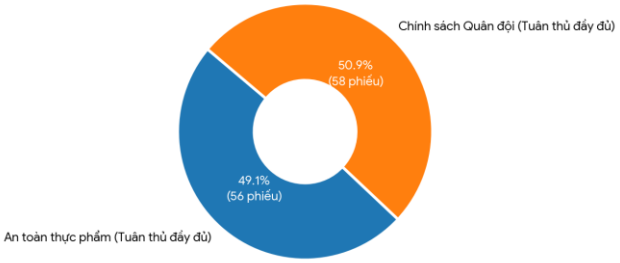
3.1. Tình hình tuân thủ pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền: Thực hiện đúng thời hạn nhiệm vụ giao trong văn bản QPPL: Lĩnh vực ATTP đạt 94,92%; CSQĐ đạt 96,61%. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giao: ATTP đạt 96,61%; CSQĐ đạt 98,31%. Tính chính xác, thống nhất của văn bản hướng dẫn và văn bản áp dụng pháp luật: Đạt từ 93,22% đến 98,31%.



3.2. Mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân và tình hình vi phạm: Lĩnh vực An toàn thực phẩm: 56/59 phiếu đánh giá Tuân thủ đầy đủ (chiếm 94,92%).

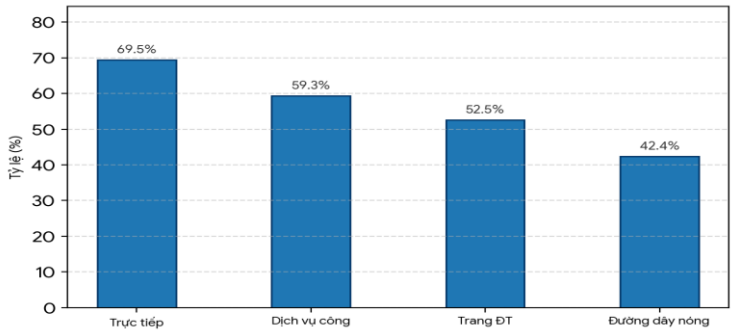
Lĩnh vực Chính sách Quân đội: 58/59 phiếu đánh giá Tuân thủ đầy đủ (chiếm 98,31%). Đánh giá chung về mức độ vi phạm của người có thẩm quyền: 58/59 phiếu nhận định Hầu như không có vi phạm (chiếm 98,31%).

Biểu đồ 3.2: Đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân



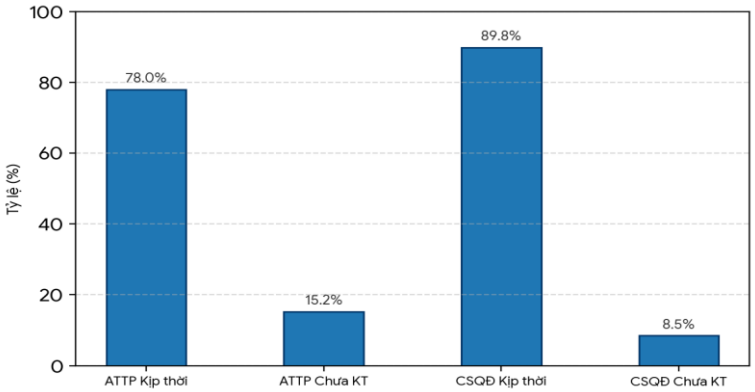
3.3. Hình thức gửi phản ánh, cung cấp thông tin vi phạm của người dân: Khi phát hiện hành vi vi phạm, người dân sử dụng đa dạng các hình thức: Phản ánh trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền (69,49%); Cổng dịch vụ công (59,32%); Trang thông tin điện tử xã (52,54%); Đường dây nóng (42,37%).

Biểu đồ 3.3: Lựa chọn hình thức phản ánh vi phạm của Nhân dân



3.4. Đánh giá việc phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật: Lĩnh vực ATTP: Vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời đạt 77,97%; phát hiện nhưng xử lý chưa kịp thời chiếm 15,25%. Lĩnh vực CSQĐ: Phát hiện và xử lý kịp thời đạt 89,83%; xử lý chưa kịp thời chiếm 8,47%.

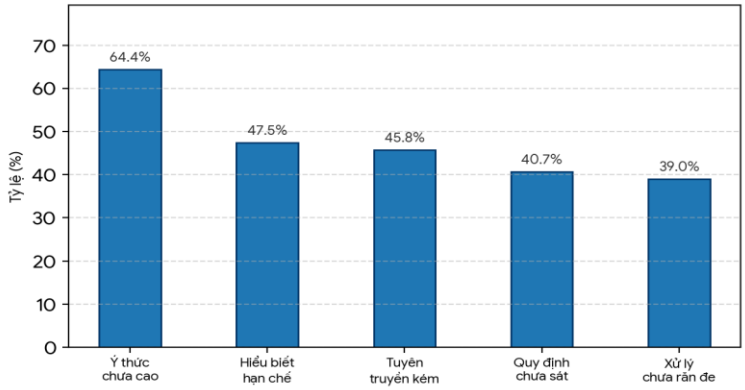
Biểu đồ 3.4: Đánh giá hiệu quả phát hiện và xử lý vi phạm



4. Nguyên nhân của các hành vi vi phạm pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật

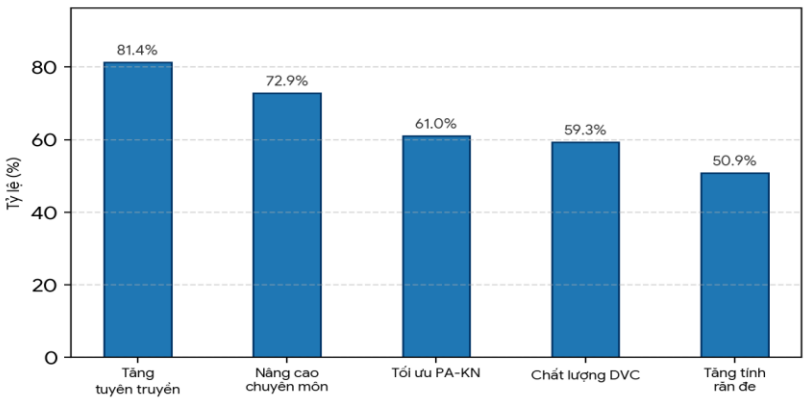
4.1. Nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật: Qua khảo sát, người tham gia chỉ ra các nguyên nhân chính: Ý thức chấp hành pháp luật chưa cao (64,41%); Mức độ hiểu biết pháp luật hạn chế (47,46%); Hiệu quả hoạt động tuyên truyền còn thấp (45,76%); Quy định pháp luật còn thiếu hoặc chưa sát thực tế (40,68%); Việc xử lý chưa đủ tính răn đe (38,98%).

Biểu đồ 4.1: Các nguyên nhân chính dẫn đến vi phạm pháp luật



4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật: Các giải pháp trọng tâm được đa số lựa chọn: Tăng cường biện pháp tuyên truyền, PBGDPL (81,36%); Nâng cao chuyên môn & ý thức công chức (72,88%); Tối ưu hóa cơ chế tiếp nhận xử lý phản ánh kiến nghị (61,02%); Nâng cao chất lượng dịch vụ công (59,32%); Tăng tính răn đe của các chế tài xử lý (50,85%).

Biểu đồ 4.2: Các giải pháp trọng tâm nâng cao hiệu quả THPL



4.3. Bất cập từ quy định pháp luật hiện hành: Thông qua 59 phiếu khảo sát thu thập ý kiến tại Câu 15 về các văn bản quy phạm pháp luật chưa phù hợp, chưa thống nhất, hầu hết người tham gia trả lời đều đánh giá hệ thống văn bản hiện hành cơ bản đáp ứng yêu cầu. Một số ít ý kiến phản ánh cần đơn giản hóa hơn nữa thủ tục hành chính xác minh quá trình tham gia kháng chiến đối với đối tượng chính sách quân đội không còn lưu giữ đầy đủ giấy tờ gốc.

Phần 3: ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. ƯU ĐIỂM

1. Hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã Ia Nan đã hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, đúng quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, Kế hoạch số 48/KH-UBND và Phương án số 53/PA-ĐTKS.

2. Việc triển khai khảo sát trực tuyến bằng Google Forms tích hợp trên Trang thông tin điện tử xã và Hệ thống Văn phòng điện tử (Ides) mang lại hiệu quả cao, tiết kiệm thời gian, chi phí, đảm bảo tính công khai, minh bạch, thu hút sự tham gia tích cực của cán bộ, công chức và Nhân dân.

3. Kết quả khảo sát cho thấy tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã ở 02 lĩnh vực trọng tâm diễn ra tích cực. Việc ban hành kế hoạch, phổ biến pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính và thực thi chính sách an sinh xã hội, chính sách quân đội được thực hiện nghiêm túc, kịp thời.

4. Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác chuyên môn chấp hành nghiêm kỷ luật hành chính, đáp ứng tiêu chuẩn vị trí việc làm, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Kinh phí và trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật (đặc biệt trong kiểm tra ATTP tại chỗ) còn hạn chế, chủ yếu đáp ứng ở mức độ cơ bản.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở một số làng đồng bào dân tộc thiểu số đôi lúc hiệu quả chưa sâu rộng; mức độ hiểu biết pháp luật đầy đủ của một bộ phận người dân chưa cao.

3. Việc xử lý một số vi phạm nhỏ lẻ trong kinh doanh thực phẩm chưa thực sự kịp thời do lực lượng công chức chuyên môn mỏng, quản lý địa bàn rộng.

III. NGUYÊN NHÂN

1. Ý thức chấp hành pháp luật và mức độ tiếp cận thông tin pháp luật của một bộ phận người dân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ còn hạn chế.

2. Khối lượng công việc chuyên môn theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp rất lớn trong khi biên chế được giao có hạn.

3. Nguồn ngân sách cấp cho hoạt động theo dõi thi hành pháp luật ở cấp xã còn hẹp, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại.

Phần 4: KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT

I. ĐỐI VỚI SỞ TƯ PHÁP TỈNH GIA LAI

Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, xử lý vi phạm hành chính và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước cho đội ngũ công chức làm công tác tư pháp - pháp chế cấp xã.

II. ĐỐI VỚI UBND XÃ IA NAN VÀ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC XÃ

1. Đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật sát hợp với từng đối tượng, nhất là Nhân dân tại các làng đồng bào dân tộc thiểu số (làng Nú, làng Sơn, Lảng Tung...).

2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát liên ngành trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và thực hiện chính sách quân đội; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

3. Duy trì và vận hành hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, công khai minh bạch 100% quy trình thủ tục hành chính, tuyệt đối không để phát sinh thủ tục ngoài quy định.

4. Nâng cao chất lượng tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân qua các kênh trực tuyến, Cổng dịch vụ công, đường dây nóng và tiếp công dân trực tiếp.

5. Chủ động cân đối, bố trí nguồn kinh phí, trang thiết bị làm việc và tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trên đây là Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã Ia Nan./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai (để báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy xã (để báo cáo);
- Thường trực HĐND xã (để báo cáo);
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBMTTQVN xã và các tổ chức CT-XH xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Thành viên Đoàn ĐTKS năm 2026;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VP-TP.

KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN THƯỜNG TRỰC

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ
Lê Văn Hòa